

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN NĂM 2026
 (Dùng cho UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Tài chính)
 Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026
 Kết sổ đến ngày: 07/10/2026
 Thời gian in: 08/10/2026 15:39

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát sinh quý 3	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	52.555.000.000	10.351.889.019	106.083.405.071	19,7%	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	52.555.000.000	10.351.889.019	106.083.405.071	19,7%	
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	13.940.000.000	3.851.387.449	18.622.605.657	27,6%	
2	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện					
3	Các loại phí, lệ phí	6.630.000.000	2.518.613.885	6.659.857.786	38,0%	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	6.500.000.000	2.475.020.885	6.537.985.453	38,1%	
4	Các khoản thu về nhà, đất	30.610.000.000	3.317.713.477	71.314.675.515	10,8%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	190.000.000	53.532.309	165.191.227	28,2%	
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	420.000.000	439.908.168	864.204.188	104,7%	
-	Thu tiền sử dụng đất	30.000.000.000	2.824.273.000	70.285.280.100	9,4%	
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
5	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
6	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
7	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
8	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
9	Thu khác ngân sách	600.000.000	254.443.208	9.076.535.113	42,4%	
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	775.000.000	409.731.000	409.731.000	52,9%	
11	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					
-	Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát sinh quý 3	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
7	Thu khác					
IV	Thu Viện trợ					
V	Tạm thu ngân sách					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Hoàn thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	24.857.000.000	4.953.636.505	50.112.723.909	19,9%	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	22.142.000.000	3.932.124.993	39.617.424.119	17,8%	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.715.000.000	1.021.511.512	10.495.299.790	37,6%	

